

TỈNH ỦY THÁI NGUYÊN
TRƯỜNG CHÍNH TRỊ

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

*

Thái Nguyên, ngày 05 tháng 10 năm 2020

ĐIỂM THI

PHẦN VI: TÌNH HÌNH NHIỆM VỤ ĐỊA PHƯƠNG

LỚP TCLLCT-HC HỆ TẬP TRUNG KHÓA 10, TẠI ĐẢNG BỘ THỊ XÃ PHỔ YÊN

STT	Họ và tên	Số BD	Số phách	Điểm thi	Bảng chữ	Ghi chú
1	Triệu Hoài Bắc	1	71	7.5	Bảy rưỡi	
2	Lê Thị Bảy	2	72	7.5	Bảy rưỡi	
3	Ngô Hải Biên	3	73	7.0	Bảy	
4	Nguyễn Thị Bưởi	4	38	7.5	Bảy rưỡi	
5	Lê Văn Cương	5	45	7.0	Bảy	
6	Bùi Thị Dung	6	37	7.0	Bảy	
7	Trần Thị Dung	7	07	7.0	Bảy	
8	Đào Việt Dũng	8	16	7.0	Bảy	
9	Dương Tiến Dũng	9	69	7.5	Bảy rưỡi	
10	Lê Tiến Dũng	10	46	7.0	Bảy	
11	Lê Đắc Đạt	11	28	7.5	Bảy rưỡi	
12	Nguyễn Thị Diệp (A-1985)	12	49	7.0	Bảy	
13	Nguyễn Thị Diệp (B-1978)	13	59	7.5	Bảy rưỡi	
14	Hà Văn Đồng	14	55	7.0	Bảy	
15	Lê Thị Giang	15	31	7.0	Bảy	
16	Nguyễn Thị Hà	16	29	7.5	Bảy rưỡi	
17	Dương Việt Hà	17	25	7.5	Bảy rưỡi	
18	Hoàng Thúy Hồng Hà	18	04	7.0	Bảy	
19	Lê Xuân Hằng	19	42	7.0	Bảy	
20	Nguyễn Thị Hằng	20	57	7.5	Bảy rưỡi	
21	Nguyễn Thị Thanh Hoa	21	56	7.5	Bảy rưỡi	
22	Dương Thị Hoan	22	24	8.0	Tám	



STT	Họ và tên	Số BD	Số phách	Điểm thi	Bằng chữ	Ghi chú
23	Đặng Thị Hoàn	23	19	7.5	Bảy rưỡi	
24	Bùi Thị Hồng	24	30	7.5	Bảy rưỡi	
25	Hà Thị Hồng	25	39	8.0	Tám	
26	Nguyễn Thị Thu Hồng	26	54	7.0	Bảy	
27	Nguyễn Quốc Hưng	27	47	7.0	Bảy	
28	Dương Thị Hương	28	06	8.0	Tám	
29	Nguyễn Thị Thu Hương A-1985	29	03	7.5	Bảy rưỡi	
30	Nguyễn Thị Thu Hương B-1984	30	18	7.5	Bảy rưỡi	
31	Lê Thị Huyền	31	13	8.0	Tám	
32	Trần Thị Huyền	32	02	8.0	Tám	
33	Nguyễn Thị Lâm	33	67	8.0	Tám	
34	Nguyễn Thị Liên	34	17	7.0	Bảy	
35	Phạm Quang Lưu	35	41	7.0	Bảy	
36	Nguyễn Thị Mai	36	35	7.5	Bảy rưỡi	
37	Đồng Thị Mây	37	63	7.5	Bảy rưỡi	
38	Nguyễn Thị Na	38	43	7.0	Bảy	
39	Dương Văn Nam	39	14	7.0	Bảy	
40	Đặng Thị Phương Nga	40	15	7.0	Bảy	
41	Nguyễn Thị Bích Nga	41	20	7.5	Bảy rưỡi	
42	Nguyễn Thị Thanh Ngà	42	23	8.0	Tám	
43	Đinh Thủy Nguyên	43	08	7.5	Bảy rưỡi	
44	Nguyễn Chí Nhân	44	21	7.5	Bảy rưỡi	
45	Dương Thị Trang Nhung	45	10	7.5	Bảy rưỡi	
46	Nguyễn Thị Hồng Nhung	46	68	7.5	Bảy rưỡi	
47	Nguyễn Hoàng Phương	47	33	7.0	Bảy	
48	Trần Văn Quân	48	61	7.0	Bảy	
49	Luân Thị Quế	49	44	7.5	Bảy rưỡi	
50	Nguyễn Thị Quyên	50	05	7.5	Bảy rưỡi	
51	Nguyễn Thị Quỳnh	51	52	7.0	Bảy	
52	Lê Minh Sơn	52	62	7.5	Bảy rưỡi	

STT	Họ và tên	Số BD	Số phách	Điểm thi	Bảng chữ	Ghi chú
53	Lê Văn Thanh	53	36	7.5	Bảy rưỡi	
54	Trần Phương Thanh	54	53	7.5	Bảy rưỡi	
55	Dương Văn Thao	55	64	7.0	Bảy	
56	Nguyễn Thị Thắm	56	70	8.0	Tám	
57	Hà Đức Thịnh	57	60	7.0	Bảy	
58	Lê Xuân Thọ	58	58	7.0	Bảy	
59	Nguyễn Thị Hạnh Thu	59	50	7.5	Bảy rưỡi	
60	Trần Văn Thu	60	40	7.5	Bảy rưỡi	
61	Lưu Thị Thư	61	34	7.0	Bảy	
62	Lê Thái Thục	62	32	7.5	Bảy rưỡi	
63	Trần Đình Thức	63	27	7.0	Bảy	
64	Đỗ Thị Thúy	64	26	7.0	Bảy	
65	Hà Thị Thu Trang	65	22	8.0	Tám	
66	Hoàng Minh Tuấn	66	65	7.5	Bảy rưỡi	
67	Nguyễn Thị Anh Tuyết	67	01	7.0	Bảy	
68	Dương Thị Tứ	68	09	8.0	Tám	
69	Nguyễn Thị Vân	69	11	8.0	Tám	
70	Bùi Văn Vinh	70	66	7.5	Bảy rưỡi	
71	Lý Thanh Xuân	71	12	8.0	Tám	
72	Tạ Hồng Xuân	72	51	8.0	Tám	
73	Lưu Như Ý	73	48	7.5	Bảy rưỡi	

**PHÒNG QLĐT & NCKH
TRƯỞNG PHÒNG**



Nguyễn Thị Hồng Mây

**KHOA LLCS
TRƯỞNG KHOA**



Vũ Mạnh Hà

**K/T HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG**



Phạm Minh Chuyên